

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

STT	Nội dung kiến thức/ kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng			% Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	A. CÁC NGUỒN LỰC, MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ.	A.1. Các nguồn lực phát triển kinh tế.			2	3,0					5	0		16.7
		A.2. Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia.	1	1,5	2	3,0								
2	B. ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN.	B.1. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	2 1(a*)	3,0 5,0					1(b*)	7,5	10	1		63,3
		B.2. Địa lí ngành nông nghiệp.			3	4,5								
		B.3. Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản.	2	3,0										
		B.4. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.	1	1,5	2	3,0								
6	C. KĨ NĂNG.	F. Tính toán, phân tích bảng số liệu.					1**	10				1		20
Tổng			6	16,5	9	13,5	1	10	1	5,0	15	3	45,0	100
Tỉ lệ %			40.0%		30.0%		20.0%		10.0%		100%			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	A. CÁC NGUỒN LỰC, MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ.	A.1. Các nguồn lực phát triển kinh tế.	Thông hiểu: – Phân tích được sơ đồ nguồn lực – Phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.		2		
		A.2. Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia.	Nhận biết: – Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế	1			
			Thông hiểu: – Phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. – So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người.		2		
2	B. ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN.	B.1. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	Nhận biết: - Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	2 1(b*)			1(a*)
			Vận Dụng Cao: – Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích đặc điểm của sản xuất nông nghiệp.				
		B.2. Địa lí ngành nông nghiệp.	Thông hiểu: – Trình bày được vai trò của ngành trồng trọt, chăn nuôi. – Giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.		3		

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		B.3. Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản.	Nhận biết: – Trình bày được đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	2			
		B.4. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.	Nhận biết: – Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.	1			
			Thông hiểu: – Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. – Phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.		2		
3	C. Kĩ năng	F. Tính toán, phân tích bảng số liệu.	Vận dụng: – Tính toán, nhận xét bảng số liệu về			1**	
Tổng			100	6 TN 1/2 TL	9 TN	1 TL	1/2 TL
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			100%	40%	30%	20%	10%

Ngày tháng 3 năm 2022
DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG